TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/LĐ-PT
Ngày: 10/5/2019
V/v tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Qúy

` *CácThẩm phán :* Bà Trần Thị Thanh Hà

Bà Vũ Thị Thu

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Tâm – Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2019/TLPT-LĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải".

Do Bản án lao động sơ thẩm số 37/2018/LĐST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐPT-LĐ ngày 18 tháng 03 năm 2019 , Quyết định hoãn phiên tòa số: 28 /2019/QĐPT-LĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2019/QĐPT – LĐ ngày 26/4/2019 , giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Trần Xuân D, sinh năm: 1976;

Địa chỉ thường trú: 154/10, đường B, khóm A, phường B, TP. S, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ tạm trú: 726/34/7, khu phố A, phường T, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: **Trường TH-THCS-THPT B**;

Địa chỉ: 36, đường N, phường T, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

- Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn P, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: ấp 1, xã S, huyện L, tỉnh Đồng Nai (theo văn bản ủy quyền ngày 15/12/2016).

(Ông P có mặt; ông D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải – Nguyên đơn là ông Trần Xuân D trình bày:

Ông là nhân viên hợp đồng của Trường TH-THCS-THPT B (sau đây gọi tắt là Trường B) kể từ tháng 01 năm 2014. Cụ thể:

+ Ngày 02/01/2014 thì ông ký hợp đồng học việc với thời hạn là 03 tháng (từ ngày 24/12/2013 đến ngày 23/3/2014), công việc là nhân viên bảo trì, mức lương là 5.000.000đ/tháng. Hết thời hạn học việc thì Trường buộc ông phải lao động thử thách thêm 03 tháng nữa rồi mới chính thức ký Hợp đồng lao động với ông. Thời gian lao động này hai bên không có hợp đồng mà chỉ thỏa thuận miệng, mức lương khoảng 5.500.000đ/tháng.

+ Ngày 23/6/2014 ông ký tiếp hợp đồng lao động số 609/HĐLĐ với thời hạn là 12 tháng (từ ngày 23/6/2014 đến ngày 31/5/2015), công việc là nhân viên bảo vệ (là nhân viên bảo trì nhưng trực thuộc tổ bảo vệ), mức lương là theo mã ngạch lương: 01.0001, hệ số 1.5, phụ cấp khác = tổng lương thực lãnh – lương đóng BHXH. Tuy nhiên mức lương thực tế mà ông đã nhận là 6.000.000đ/tháng chưa tính các loại phụ cấp.

+ Ngày 01/6/2015 ông ký tiếp hợp đồng lao động số 609/HĐLĐ với thời hạn là 36 tháng (từ ngày 01/6/2015 đến ngày 31/5/2018), công việc là nhân viên bảo vệ (là nhân viên bảo trì nhưng trực thuộc tổ bảo vệ), mức lương là 3.100.000đ/tháng cộng với phụ cấp khác = tổng lương thực lãnh – lương đóng BHXH. Tuy nhiên mức lương thực tế mà ông đã nhận là 7.000.000đ/tháng chưa tính các loại phụ cấp.

Hàng tháng ông chỉ ký đối chiếu bảng lương cho Trường và nhận tiền lương nên ông không được cung cấp các bảng lương.

Trong thời gian làm việc tại Trường thì ông không có bất kỳ một vi phạm kỷ luật lao động nào nhưng vào ngày 29/9/2015 thì Trường lại không cho ông vào làm việc với lý do là ông đã vệ sinh máy lạnh bằng nước bẩn. Đến ngày 19/10/2015 thì nhân viên của Trường giao cho ông Thông báo v/v chấm dứt hợp đồng lao động do ông Phạm Tiến Chương - Hiệu trưởng ký. Sau đó vào ngày 22/10/2015 ông nhận tiếp Thông báo số 01/TB được ông Chương ký cùng ngày với nội dung là mời ông có mặt tại Trường lúc 14 giờ ngày 26/10/2015 để xem xét kỷ luật lao động. Tại buổi làm việc này thì Trường thuyết phục ông làm đơn thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động chứ không có họp xét kỷ luật lao động giống như nội dung Biên bản mà Trường đã cung cấp cho Tòa án. Ông khẳng định Biên bản họp xét kỷ luật lao động ngày 26/10/2015 đã được lập sau khi ông nộp đơn khởi kiện lên Tòa án. Sau đó thì Trường cũng không có một giấy mời nào cũng như ra Thông báo hoặc Quyết định nào liên quan đến sự việc của ông nữa.

Do Trường đã cho ông nghỉ việc trái pháp luật nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Trường TH-THCS-THPT B phải:

+ Nhận ông trở lại làm việc theo Hợp đồng lao động đã ký kết.

+ Thanh toán tiền lương cho những ngày ông không được làm việc cho đến ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 01/10/2015 với mức lương là 6.000.000đ/tháng).

+ Bồi thường 02 tháng tiền lương do sa thải trái pháp luật.

+ Đóng đầy đủ các khoản tiền BHXH, BHYT, BHTN kể từ ngày 01/10/2015 cho đến ngày ông được nhận trở lại làm việc.

+ Bồi thường một khoản tiền tương ứng với thời gian Trường cho ông nghỉ việc không báo trước.

Ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm.

- Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải – Nguyên đơn và Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là ông Nguyễn P trình bày:

Ông Trần Xuân D là nhân viên của Trường theo các Hợp đồng cụ thể như sau:

+ Ngày 02/01/2014 ký hợp đồng học việc với thời hạn là 03 tháng (từ ngày 24/12/2013 đến ngày 23/3/2014), công việc là nhân viên bảo trì, mức lương là 5.000.000đ/tháng. Hết thời hạn học việc thì do ông D không đáp ứng được yêu cầu của công việc nên Trường không có ký tiếp hợp đồng lao động với ông D anh.

+ Do có nhu cầu tuyển dụng lao động nên ngày 23/6/2014 Trường tiếp tục ký hợp đồng lao động số 609/HĐLĐ với thời hạn là 12 tháng (từ ngày 23/6/2014 đến ngày 31/5/2015), công việc là nhân viên bảo vệ (các công việc khác là theo sự phân công của lãnh đạo nhà trường), mức lương là theo mã ngạch lương: 01.0001, hệ số 1.5. Mức lương thực tế mà ông D đã nhận là căn cứ đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động và không có bất kỳ một khoản phụ cấp nào khác.

+ Ngày 01/6/2015 ký hợp đồng lao động số 609/HĐLĐ với thời hạn là 36 tháng (từ ngày 01/6/2015 đến ngày 31/5/2018), công việc là nhân viên bảo vệ (các công việc khác là theo sự phân công của lãnh đạo nhà trường), mức lương là 3.100.000đ/tháng, phụ cấp khác = tổng lương thực lãnh – lương đóng BHXH. Mức lương thực tế mà ông D đã nhận là căn cứ đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động và không có bất kỳ một khoản phụ cấp nào khác.

Trong thời gian làm việc thì ông D luôn vi phạm kỷ luật lao động và bị lập biên bản vào các ngày 18/8/2015, 24/8/2015, 10/9/2015, 15/9/2015, 29/9/2015 và 03/10/2015. Do ông D nhiều lần vi phạm kỷ luật lao động nhưng không chịu khắc phục, sửa chữa nên vào ngày 01/10/2015 Trường đã ban hành Thông báo v/v chấm dứt hợp đồng lao động với ông D kể từ ngày 31/10/2015. Đây không phải là một quyết định chấm dứt hợp đồng lao động mà chỉ là một thông báo báo trước thời hạn sẽ chấm dứt hợp đồng lao động để các bên bàn giao công việc của nhau. Đến ngày 22/10/2015 thì Trường gửi giấy mời cho ông D đến tham dự buổi họp xét kỷ luật lao động vào lúc 14 giờ ngày 26/10/2015. Ông D có mặt tại buổi họp xét nêu trên nhưng sau đó không chịu ký tên vào Biên bản họp xét kỷ luật lao động. Đến ngày 10/11/2015 thì Trường ban hành Quyết định không số v/v kỷ luật lao động đối với ông D với hình thức sa thải. Quyết định này đã được gửi qua đường bưu điện cho ông D nhưng tài liệu chứng minh cũng đã bị thất lạc nên không thể cung cấp cho Tòa án. Đối với đơn thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động ngày 26/10/2015 của ông D là do ông D tự làm, sau đó gửi cho Trường nhưng Trường không đồng ý thỏa thuận với ông D anh.

Do Trường đã sa thải ông D đúng theo quy định của pháp luật nên Trường không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông D anh.

Tại bản án số: 37/2018/LĐ – ST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa

- Căn cứ vào Điều 264, Điều 266 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 42, khoản 1 Điều 123, khoản 1 Điều 126 Bộ luật Lao động; Điều 30 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân D đối với Trường TH-THCS-THPT B.

- Hủy Thông báo không số ngày 01/10/2015 và Quyết định không số ngày 10/11/2015 của Trường TH-THCS-THPT B về việc sa thải đối với ông Trần Xuân D.

- Buộc Trường TH-THCS-THPT B phải có nghĩa vụ:

+ Nhận ông Trần Xuân D trở lại làm việc theo Hợp đồng lao động số 609/HĐLĐ ngày 01/6/2015 đã giao kết giữa ông Trần Xuân D và Trường TH-THCS-THPT B.

+ Thanh toán cho ông Trần Xuân D tổng số tiền 122.988.461đ (một trăm hai mươi hai triệu, chín trăm tám mươi tám nghìn, bốn trăm sáu mươi mốt đồng).

+ Truy đóng các khoản tiền Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp cho ông Trần Xuân D kể từ thời điểm tháng 11 năm 2015 cho đến khi nhận ông D trở lại làm việc.

- Án phí Lao động sơ thẩm: Trường TH-THCS-THPT B phải nộp số tiền 3.690.000đ (ba triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

- Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

Ngày 28 tháng 11 năm 2018: Trường tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Bùi Thị Xuân có đơn kháng cáo với nội dung: Bản án lao động sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Trường tiểu học Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Bùi Thị Xuân. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử theo hướng sửa toàn bộ bản án của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc kháng cáo của Trường TH – THCS – THPT B:

Trường B lập biên bản vi phạm chưa đúng quy định; chưa tổ chức cuộc họp để xem xét kỷ luật lao động mà đã ban hành thông báo chấm dứt hợp đồng lao động; không xác định mức độ gây thiệt hại về tài sản mà ban hành quyết định sa thải không số, không viện dẫn căn cứ pháp luật cụ thể và không tống đạt hợp lệ cho người lao động là phi phạm Điều 30 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động.

Theo quy định tại Điều 42 Bộ luật lao động thì không có quy định việc truy đóng bảo hiểm thất nghiệp nhưng bản án sơ thẩm lại tuyên truy đóng bảo hiệm thất nghiệp cho ong Danh là không đúng quy định của điều luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Trường TH – THCS – THPT B, sửa bản án sơ thẩm về việc không buộc Trường TH – THCS – THPT B đóng bảo hiệm thất nghiệp cho ông D theo Điều 42 Bộ luật Lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết qủa tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Trường TH – THCS – THPT B làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Về việc xác định tư cách người tham gia tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm còn bỏ sót cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai, nhưng Hội đồng xét xử xét thấy không ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự nên không đặt ra xem xét. Song cũng cần lưu ý rút kinh nghiệm một cách nghiêm túc đối với Tòa án cấp sơ thẩm . Ngày 27 tháng 03 năm 2019, ông Trần Xuân D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông D anh.

[2]Về quan hệ pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng.

[3]Về nội dung: Đối với yêu cầu kháng cáo của Trường TH – THCS – THPT B cho rằng bản án sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ có tại hồ sơ và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở bởi những căn cứ như sau:

Về trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động: Vào các ngày 18/8/2015, 24/8/2015, 10/8/2015, 10/9/2015, 15/9/2015, 29/9/2015 và ngày 03/10/2015 Trường B cho rằng ông Trần Xuân D vi phạm kỷ luật lao động và lập biên bản vi phạm. Đến ngày 01/10/2015 thì Trường ra thông báo không số v/v chấm dứt hợp đồng lao động với ông D với lý do " Người lao động có hành vi phá hoại, gây thiệt hại nghiêm trọng tài sản của Nhà trường (tại mục a Điều 85 Bộ luật lao động)". Như vậy thông báo nêu trên chính là một quyết định sa thải của Trường đối với ông D khi nội dung và căn cứ pháp luật đều thể hiện việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người sử dụng lao động do người lao động có hành vi vi phạm được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 85 Bộ luật lao động năm 1994, sửa

đổi bổ sung vào năm 2002. Thông báo này được Trường tống đạt cho ông D và ông D căn cứ vào thông báo này để khởi kiện ra Tòa án.

Xét quyết định sa thải ông D là trái quy định của pháp luật vì bị đơn không chứng minh được lỗi của ông D đã gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản , việc xử lý kỷ luật lao động bị đơn không tổ chức họp xử lý kỷ luật là vi phạm Điều 123, 126 Bộ Luật lao động năm 2012 và Điều 30 Nghị định số 05/2015/NĐ – CP ngày 12/01/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động.

Sau khi ban hành Thông báo nêu trên thì ngày 22/10/2015 Trường B mới gửi thông báo về việc họp xét kỷ luật lao động vào ngày 02/10/2015 cho ông D anh. Tại biên bản họp xét kỷ luật lao động vào ngày 26/10/2015, thể hiện đúng thành phần, đầy đủ ý kiến của các bên theo đúng quy định của pháp luật nhưng lại không có chữ ký của người lao động mà không ghi rõ lý do là vi phạm Điều 123 Bộ luật lao động và Điều 30 Nghị định số 05/2015/NĐ – CP ngày 12/01/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động.

Đến ngày 10/11/2015, Trường B tiếp tục ban hành Quyết định không số, do ông Phạm Tiến Chương – Hiệu trưởng ký, v/v sa thải ông Trần Xuân D với lý do: " Vi phạm nội quy lao động, thường xuyên không hoàn thành nhiệm vụ, gây thiệt hại tài sản của người sử dụng lao động". Căn cứ để sa thải người lao động trong trường hợp này theo Trường B là do ông D đã làm thiệt hại tài sản của người sử dụng lao động. Tuy nhiên, Trường B vẫn không chứng minh được lỗi vi phạm của ông D và mức độ gây thiệt hại về tài sản nhưng vẫn ra Quyết định sa thải ông D là vi phạm Điều 123 Bộ luật lao động. Việc ban hành Quyết định sa thải không số, không viện dẫn căn cứ pháp luật cụ thể và không tống đạt hợp lệ cho người lao động là vi phạm Điều 30 Nghị định số 05/2015/ NĐ – CP ngày 12/01/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động.Do đó trường TH – THCS – THPT B quyết định sa thải đối với ông D là trái quy định của pháp luật.

Về thời gian và mức lương cơ bản mà Tòa án cấp sơ thẩm làm căn cứ giải quyết vụ án là không chính xác bởi: Theo hợp đồng lao động được ký kết và thực hiện giữa Trường B với ông D là hợp đồng lao động xác định thời hạn cụ thể là từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/5/2018. Do đó tất cả quyền lợi và nghĩa vụ của ông D với trường TH –THCS – THPT Bùi Thị Xuân chấm dứt vào ngày 31 tháng 5 năm 2018 . Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định là hợp đồng này thuộc trường hợp - Hợp đồng không xác định thời hạn để buộc Trường B phải thanh toán tiền cho ông D những ngày không được làm việc (Từ ngày 01/10/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 15/11/2018) là không chính xác bởi hợp đồng lao động giữa ông D với Trường B chấm dứt vào ngày 31/5/2018), đối với tiền lương mà Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào mức lương đóng BHXH, BHYT và BHTN do cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai cung cấp là 3.100.000đồng/tháng là không chính xác mà phải căn cứ vào mức lương tối thiểu vùng là 3.530.000đồng/tháng tại thời điểm xét xử sơ thẩm đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm còn chưa tính khoản tiền do Trường B đã vi phạm nghĩa vụ báo trước được quy định tại Điều 38 Bộ luật lao động, đối với trường hợp của ông D là 30 ngày. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Trường B phải truy đóng BHXH, BHYT và BHTN cho ông D kể từ tháng 11 năm 2015 cho đến ngày

nhận ông D trở lại làm việc là không chính xác bởi như đã phân tích, nhận định trên nên thời gian mà Trường B phải truy đóng BHXH, BHYT và BHTN cho ông D kể từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/05/2018 là ngày hết hạn hợp đồng lao động mà hai bên đã ký kết.

Từ những phân tích, nhận định trên quyền lợi hợp pháp của ông D được tính cụ thể như sau:

- Tiền lương những ngày không được làm việc: tính từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/5/2018, thời gian là 32 tháng. Như vậy Trường B phải thanh toán cho ông D là: 3.530.000đồng x 32 tháng = 112.960.000đồng.

- Bồi thường 02 tháng tiền lương do việc sa thải trái pháp luật là: 02 x 3.530.000đồng = 7.060.000đồng.

- Bồi thường khoản tiền do vi phạm nghĩa vụ báo trước lá 01 tháng (30 ngày) là 3.530.000đồng.

Tổng cộng tất cả các khoản số tiền là: 123.550.000đồng.

- Truy đóng các khoản tiền BHXH, BHYT và BHTN cho ông D kể từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/5/2018.

Về áp dụng pháp luật: Về tố tụng dân sự về án phí theo Điều 147, Luật lao động về vi phạm nghĩa vụ báo trước theo Điều 38, Pháp lệnh số 10 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí - Tòa án cấp sơ thẩm đã không áp dụng là thiếu sót cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Từ những phân tích nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của trường TH – THCS – THPT B, sửa một phần bản án sơ thẩm về thời gian, mức lương cơ bản truy đóng BHXH, BHYT, BHTN và số tiền do vi phạm nghĩa vụ báo trước.

Về án phí lao động sơ thẩm: Trường TH –THCS –THPT B phải nộp số tiền là: 123.550.000 đồng x 3% = 3.706.500 đồng (Ba triệu bảy trăm không sáu nghìn năm trăm đồng) nhưng được tính trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí lao động phúc thẩm mà trường TH – THCS – THPT B đã nộp tại biên lai thu số 009857 ngày 05 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục thi hành dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Trường TH –THCS - THPT B còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.406.000đồng (Ba triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn đồng).

Về án phí lao động phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên dù kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nhưng bị đơn không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của trường TH – THCS – THPT B, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Căn cứ Pháp lệnh số: 10/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 38, khoản 1 Điều 42, khoản 1 Điều 123, khoản 1 Điều 126 Bộ luật lao động, Điều 30 Nghị định 05/2015/NĐ – CP ngày 12/01/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân D đối với trường TH –THCS – THPT Bùi Thị Xuân về bồi thường do sa thải trái luật, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân D đối với trường TH –THCS – THPT Bùi Thị Xuân về yêu cầu nhận trở lại làm việc.

- Hủy thông báo không số ngày 01/10/2015 và Quyết định không số ngày 10/11/2015 của Trường TH - THCS – THPT B về việc sa thải đối với ông Trần Xuân D.

Trường TH – THCS – THPT B phải có nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền cho ông Trần Xuân D cụ thể:

+ Thanh toán cho ông Trần Xuân D số tiền những ngày ông D không được làm việc là: 122.988.461 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu chín trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi mốt đồng).

+ Bồi thường 02 tháng tiền lương do việc sa thải trái pháp luật là: 7.060.000đồng.

+ Bồi thường khoản tiền do vi phạm nghĩa vụ báo trước số tiền là: 3.530.000đồng.

Tổng cộng các khoản tiền trường TH –THCS – THPT B phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Xuân D là: 123.550.000 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng)

+ Truy đóng các khoản tiền Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp cho ông Trần Xuân D kể từ thời điểm ngày 01/10/2015 đến ngày 31/5/2018.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, Quyết định được quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí:

- Án phí lao động sơ thẩm: Trường TH – THCS –THPT B còn phải nộp số tiền án phí là 3.406.500đồng (Ba triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn năm trăm đồng).

- Án phí lao động phúc thẩm: Trường TH – THCS –THPT B không phải chịu án phí lao động. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm Trường TH – THCS – THPT B đã nộp theo biên lai thu số 009857 ngày 05/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự TP. Biên Hoà đã được trừ vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà Trường TH – THCS –THPT B phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKS tỉnh, huyện (02);
- TAND huyện (01);
- THADS huyện (01);
- Đương sự (02);
- Lưu (05).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Quý